SAO Y; Văn phòng Ủy ban Nhân dân; 01/10/2025; 13:53:28; +07:00

Ký bởi: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Email: ttcp@thanhtra.gov.vn
Cơ quan: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 26-09-2025 17:06:49 +07:00

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/TT-TTCP	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn việc xây dựng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hằng năm

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư hướng dẫn việc xây dựng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hằng năm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc xây dựng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hằng năm của các cơ quan thanh tra quy định tại Điều 7 Luật Thanh tra; xử lý chồng chéo, trùng lặp, điều chỉnh kế hoạch thanh tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra.

2. Thông tư này áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra trong việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra; xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra; xử lý chồng chéo, trùng lặp, điều chỉnh kế hoạch thanh tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo của các cơ quan nhà nước cấp trên; yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước, địa phương, ngành, lĩnh vực.

2. Bảo đảm phân công nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, thời gian thanh tra; bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm nguồn lực thực hiện.

3. Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về thanh tra và Thông tư này.

Chương II
XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH THANH TRA

Điều 3. Căn cứ để xây dựng Định hướng chương trình thanh tra

1. Nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

2. Nghị quyết, đề án, chương trình, mục tiêu của Chính phủ về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nghị quyết của cấp uỷ Đảng có thẩm quyền, quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; kết luận của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh, thành phố; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

4. Yêu cầu của việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật; yêu cầu nhiệm vụ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

5. Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thu thập thông tin, tài liệu để xây dựng Định hướng chương trình thanh tra

1. Việc thu thập thông tin, tài liệu để xây dựng Định hướng chương trình thanh tra được tiến hành hằng năm, do đơn vị được Tổng Thanh tra Chính phủ giao chủ trì (sau đây gọi là đơn vị chủ trì) thực hiện.

2. Thông tin, tài liệu thu thập bao gồm:

a) Các thông tin, tài liệu quy định tại Điều 3 của Thông tư này;

b) Quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực; văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành và các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương;

c) Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, giám sát của các cơ quan chức năng; tình hình, kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, được dư luận xã hội quan tâm;

d) Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu của đơn vị chủ trì (nếu có);

đ) Các thông tin, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu thập các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung Định hướng chương trình thanh tra

1. Định hướng chương trình thanh tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu;

b) Nhiệm vụ chủ yếu;

c) Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung Định hướng chương trình thanh tra xác định phương hướng và trọng tâm hoạt động thanh tra trong một năm của các cơ quan thanh tra nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động thanh tra.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xây dựng Định hướng chương trình thanh tra

1. Hằng năm, đơn vị chủ trì thu thập thông tin, tài liệu nêu tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này, yêu cầu các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ và Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi chung là Thanh tra Bộ); Thanh tra Cơ yếu; cơ quan Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế); Thanh tra tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh) cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo đề xuất xây dựng Định hướng chương trình thanh tra. Khi thấy cần thiết, đơn vị chủ trì làm việc trực tiếp với các cơ quan thanh tra để thu thập thêm thông tin hoặc làm rõ nội dung đề xuất xây dựng Định hướng chương trình thanh tra.

2. Căn cứ vào thông tin, tài liệu thu thập và báo cáo đề xuất xây dựng Định hướng chương trình thanh tra quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo Định hướng chương trình thanh tra; lấy ý kiến của các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ và Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Định hướng chương trình thanh tra báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ.

3. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 9 hằng năm, đơn vị chủ trì báo cáo Tổng

Thanh tra Chính phủ hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Định hướng chương trình thanh tra, bao gồm:

a) Dự thảo Tờ trình;

b) Dự thảo Định hướng chương trình thanh tra;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Định hướng chương trình thanh tra;

d) Thông tin, tài liệu khác (nếu có).

Điều 7. Trình phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra

1. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 9 hằng năm, Tổng Thanh tra Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình về dự thảo Định hướng chương trình thanh tra;

b) Dự thảo Định hướng chương trình thanh tra;

c) Thông tin, tài liệu khác (nếu có).

3. Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo sửa đổi, bổ sung nội dung dự thảo Định hướng chương trình thanh tra thì trong thời gian 10 ngày, đơn vị chủ trì giúp Tổng Thanh tra Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Định hướng chương trình thanh tra và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Chậm nhất vào ngày 25 tháng 10 hằng năm, căn cứ Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đơn vị chủ trì có trách nhiệm tham mưu Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh.

Chương III

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THANH TRA

Điều 8. Nội dung của kế hoạch thanh tra

1. Nội dung kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Nội dung thanh tra;

b) Đối tượng thanh tra;

c) Thời kỳ thanh tra;

d) Thời hạn thanh tra;

đ) Cơ quan, đơn vị tiến hành thanh tra (cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp);

e) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Tờ trình ban hành kế hoạch thanh tra, Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra và kế hoạch thanh tra được thực hiện theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ;

d) Yêu cầu công tác quản lý nhà nước và việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hằng năm của bộ, ngành, địa phương;

đ) Các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; vụ việc được dư luận xã hội quan tâm;

e) Các căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra:

a) Đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra;

b) Các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ đề xuất nội dung kế hoạch thanh tra và cung cấp thông tin, tài liệu cho đơn vị chủ trì để xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra.

3. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này; các thông tin, tài liệu do các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ cung cấp.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu thu thập được, đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra;

b) Đơn vị chủ trì lấy ý kiến của các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Khi thấy cần thiết, đơn vị chủ trì tham mưu Tổng Thanh tra Chính phủ làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo kế hoạch

thanh tra;

d) Đơn vị chủ trì tiếp thu các ý kiến tham gia, hoàn thiện dự thảo kế hoạch thanh tra, xin ý kiến của các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ và trình Tổng Thanh tra Chính phủ.

5. Hồ sơ trình Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình của đơn vị chủ trì về việc ban hành kế hoạch thanh tra;

b) Dự thảo Quyết định của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thanh tra kèm theo dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Bản tổng hợp các ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);

d) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

6. Đơn vị chủ trì trình Tổng Thanh tra Chính phủ dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm. Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm.

7. Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ được gửi ngay đến Thủ tướng Chính phủ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, gửi ngay đến Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh và thông báo cho đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ;

c) Yêu cầu công tác quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

đ) Các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; vụ việc được dư luận xã hội quan tâm;

e) Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra:

Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Chánh Thanh tra Bộ Công an, Chánh

Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi chung là Chánh Thanh tra Bộ) có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm của Thanh tra Bộ.

3. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và các thông tin, tài liệu khác do Thanh tra Bộ thu thập.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này, Chánh Thanh tra Bộ dự thảo kế hoạch thanh tra;

b) Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra Bộ báo cáo xin ý kiến Thanh tra Chính phủ, lấy ý kiến tham gia hoặc làm việc trực tiếp với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra; chủ trì làm việc với Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra để xử lý chồng chéo, trùng lặp;

c) Chánh Thanh tra Bộ tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra.

d) Sau khi tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng, Chánh Thanh tra Bộ hoàn chỉnh và ban hành kế hoạch thanh tra.

5. Hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình của Chánh Thanh tra Bộ;

b) Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra kèm theo dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);

d) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

6. Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm. Bộ trưởng cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm. Chánh Thanh tra Bộ ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Bộ trưởng cho ý kiến.

7. Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ được gửi ngay đến Bộ trưởng, Thanh tra Chính phủ để báo cáo; gửi ngay đến Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 11. Xây dựng kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ (nếu có);

c) Yêu cầu công tác quản lý của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp;

đ) Các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; vụ việc được dư luận xã hội quan tâm;

e) Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra:

Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm của cơ quan mình.

3. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và các thông tin, tài liệu do các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu thập.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu thu thập quy định tại khoản 3 Điều này, Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dự thảo kế hoạch thanh tra;

b) Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo xin ý kiến Thanh tra Bộ, lấy ý kiến tham gia hoặc làm việc trực tiếp với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra; xử lý chồng

chéo, trùng lặp (nếu có);

c) Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra.

d) Sau khi tiếp thu ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn chỉnh và ban hành kế hoạch thanh tra.

5. Hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình của Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra kèm theo dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);

d) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

6. Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm. Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến.

7. Kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được gửi ngay đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Thanh tra Bộ để báo cáo; gửi ngay đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được

thành lập theo điều ước quốc tế;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ;

c) Yêu cầu công tác quản lý của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp;

d) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp;

đ) Các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; vụ việc được dư luận xã hội quan tâm;

e) Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra:

Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm của cơ quan mình.

3. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và các thông tin, tài liệu do Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế thu thập.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này, Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế dự thảo kế hoạch thanh tra;

b) Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế báo cáo xin ý kiến Thanh tra Chính phủ; lấy ý kiến tham gia hoặc làm việc trực tiếp với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra; xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có);

c) Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra.

d) Sau khi tiếp thu ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế hoàn chỉnh và ban hành kế hoạch thanh tra.

5. Hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình của Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế;

b) Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra kèm theo dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);

d) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

6. Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm. Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cho ý kiến.

7. Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế được gửi ngay đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Thanh tra Chính phủ để báo cáo; gửi ngay đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ, các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 13. Xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ;

c) Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ; kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh, thành phố;

d) Yêu cầu công tác quản lý nhà nước và việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương;

đ) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; vụ việc được dư luận xã hội quan tâm;

g) Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra:

Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra hằng năm của Thanh tra tỉnh.

3. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và các thông tin, tài liệu do Thanh tra tỉnh thu thập.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này, Chánh Thanh tra tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh;

b) Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra tỉnh báo cáo xin ý kiến Thanh tra Chính phủ; lấy ý kiến tham gia hoặc làm việc trực tiếp với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra; xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có);

c) Chánh Thanh tra tỉnh tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo kế hoạch thanh tra.

d) Sau khi tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh hoàn chỉnh và ban hành kế hoạch thanh tra.

5. Hồ sơ trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến về dự thảo kế hoạch thanh tra bao gồm:

a) Tờ trình của Chánh Thanh tra tỉnh;

b) Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra kèm theo dự thảo kế hoạch thanh tra;

c) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);

d) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

6. Chánh Thanh tra tỉnh trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm. Chánh Thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến.

7. Kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh được gửi ngay đến Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra Chính phủ để báo cáo; gửi ngay đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu; Thanh tra được thành lập theo điều

ước quốc tế để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

Chương IV

XỬ LÝ CHỒNG CHÉO, TRÙNG LẶP TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THANH TRA; ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THANH TRA

Điều 14. Việc phối hợp trong xây dựng kế hoạch thanh tra

1. Trong quá trình xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra, Thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan thanh tra có trách nhiệm phối hợp nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp về phạm vi và thời gian thanh tra.

2. Trường hợp Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh phối hợp nhưng không thống nhất thì Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Chánh Thanh tra tỉnh báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ để có ý kiến xử lý chồng chéo, trùng lặp về phạm vi và thời gian thanh tra trước khi ký ban hành. Trường hợp các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp nhưng không thống nhất thì Chánh Thanh tra cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chánh Thanh tra Bộ để có ý kiến xử lý chồng chéo, trùng lặp về phạm vi và thời gian thanh tra trước khi ký ban hành.

Điều 15. Căn cứ điều chỉnh kế hoạch thanh tra

Việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra được thực hiện trong trường hợp sau đây:

1. Có chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, thời gian giữa các cơ quan thanh tra; giữa cơ quan thanh tra với Kiểm toán nhà nước; giữa cơ quan thanh tra với cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kiểm tra.

2. Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch thanh tra.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch thanh tra để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 16. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ:

a) Đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các vụ, cục, đơn vị

thuộc Thanh tra Chính phủ tham mưu việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

b) Các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình cung cấp thông tin, tài liệu cho đơn vị chủ trì để điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Khi thấy cần thiết, đơn vị chủ trì thu thập thông tin, tài liệu và làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

d) Đơn vị chủ trì dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra, báo cáo xin ý kiến các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, tiếp thu, hoàn thiện và trình Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành;

đ) Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ được gửi ngay đến Thủ tướng Chính phủ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh và thông báo cho đối tượng thanh tra, các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ:

a) Khi thấy cần thiết, Thanh tra Bộ thu thập thông tin, tài liệu và làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

b) Chánh Thanh tra Bộ tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến; ký ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ được gửi ngay đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Thanh tra Chính phủ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Khi thấy cần thiết, các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu thập thông tin, tài liệu và làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

b) Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xem xét, cho ý kiến; ký ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được gửi ngay đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế:

a) Khi thấy cần thiết, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế thu thập thông tin, tài liệu và làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

b) Chánh Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xem xét, cho ý kiến; ký ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế được gửi ngay đến Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, Thanh tra Chính phủ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ, các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh:

a) Khi thấy cần thiết, Thanh tra tỉnh thu thập thông tin, tài liệu và làm việc với các cơ quan có liên quan để thống nhất nội dung dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

b) Chánh Thanh tra tỉnh tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến; ký ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra;

c) Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh được gửi ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra Chính phủ để báo cáo, đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ, Thanh tra Cơ yếu, Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.

6. Quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra được thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V
THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC XÂY DỰNG, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THANH TRA

Điều 17. Theo dõi, đôn đốc việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra

1. Việc theo dõi, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra được tiến hành bằng hình thức yêu cầu báo cáo.

2. Thanh tra Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ, của Thanh tra Cơ yếu, của Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế và của Thanh tra tỉnh;

3. Thanh tra Bộ theo dõi, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra của các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 18. Kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra

1. Cơ quan thanh tra có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc thực hiện kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra. Việc kiểm tra được thực hiện không quá 01 lần/năm trừ trường hợp kiểm tra đột xuất theo quy định.

2. Thời gian kiểm tra không quá 03 ngày làm việc đối với một cơ quan, đơn vị được Thanh tra Chính phủ kiểm tra, không quá 02 ngày làm việc đối với một cơ quan, đơn vị được Thanh tra Bộ kiểm tra.

Trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo bằng văn bản gửi cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung, thành phần Tổ kiểm tra.

3. Cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị thông tin, tài liệu liên quan và báo cáo kết quả việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

4. Tổ kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra theo đúng thời gian, địa điểm, nội dung và không được gây khó khăn cho cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Kết thúc kiểm tra, Tổ kiểm tra phải báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm tra với Thủ trưởng cơ quan thanh tra tiến hành kiểm tra. Báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau:

a) Tình hình, kết quả việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra của cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

b) Khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có);

c) Kiến nghị (nếu có);

d) Các nội dung khác (nếu có).

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 04/2024/TT-TTCP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chánh Thanh tra Cơ yếu, Chánh Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế, Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Cục KTVBQLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thanh tra: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước;
- Các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố;
- Thanh tra: Cơ yếu, An toàn bức xạ và hạt nhân, Hàng hải Việt Nam, Hàng không Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán NN;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ;
- Các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-TTCP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ)

Mẫu số 01/TT-Tờ trình ban hành Kế hoạch thanh tra

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (2)	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /TTr - ...(3)	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành kế hoạch thanh tra năm..... của (2).

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-TTCP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Định hướng Chương trình thanh tra năm.....;

Căn cứ Văn bản số ... ngày .../.../... của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm...;

Căn cứ..... (4);

(2) kính trình (5) xem xét, cho ý kiến về dự thảo Kế hoạch thanh tra năm .... của (2)... gồm các tài liệu kèm theo như sau:

- Dự thảo kế hoạch thanh tra;
- Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra;
- Bản tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);
- Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:	.....(6)
- Như trên;	*(Chữ ký, dấu)*
- .....;	
- Lưu: VT, (7).	
	Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan trình.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan trình.

(4) Các căn cứ khác.
(5) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.
(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình.
(7) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo.

Mẫu số 02/TT-Quyết định ban hành Kế hoạch thanh tra

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (2)	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ - ...(3)	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch thanh tra năm.....của (2).

..... (4)

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-TTCP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Định hướng Chương trình thanh tra năm.....;

Căn cứ Văn bản số ... ngày .../.../... của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm....;

Căn cứ..... (5);

Theo đề nghị của .....(6).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch thanh tra năm .... của .... (2), gồm: ..... (7) cuộc thanh tra.

(có Kế hoạch thanh tra kèm theo Quyết định này)

Điều 2. (8) triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra kèm theo Quyết định này và thông báo cho (9) về kế hoạch thanh tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) (10) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	.....(4)
- Như Điều 3;	*(Chữ ký, dấu)*
- .....;	
- Lưu: VT, (11).	
	Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định.
(4) Chức danh của Người ra quyết định.
(5) Các căn cứ khác để ban hành quyết định.
(6) Cơ quan, đơn vị, cá nhân đề xuất.
(7) Tổng số cuộc thanh tra.
(8) Cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch thanh tra.
(9) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
(10) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có).
(11) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu.

Mẫu số 03/TT-Kế hoạch thanh tra

…….. (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….. (2)	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH THANH TRA CỦA …..(2) NĂM …..

(Ban hành kèm theo Quyết định số …./QĐ-… ngày….tháng….năm…của (2))

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. Nội dung

1. Nội dung thanh tra .....(3)

(Danh sách các cuộc thanh tra năm… của …..(2) kèm theo);

2. Đối tượng thanh tra;

3. Thời kỳ thanh tra;

4. Thời hạn thanh tra;

5. Cơ quan, đơn vị tiến hành thanh tra (cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp);

6. Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

III. Tổ chức thực hiện

.....

.....

DANH SÁCH CÁC CUỘC THANH TRA NĂM .....

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..../QĐ-... ngày....tháng....năm...của (2))

TT	Đơn vị tiến hành thanh tra	Đối tượng thanh tra	Nội dung thanh tra, thời kỳ thanh tra	Thời hạn thanh tra (ngày)	Dự kiến thời gian triển khai thanh tra	Ghi chú

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan ban hành Kế hoạch thanh tra.
(3) Phạm vi, thời hạn thanh tra; những nội dung trọng tâm, trọng điểm tiến hành thanh tra.

Mẫu số 04/TT-Quyết định điều chỉnh Kế hoạch thanh tra

…… (1) …… (2) Số: /QĐ - …(3)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *…, ngày … tháng … năm …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm…… của (2).

…… (4)

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-TTCP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Định hướng Chương trình thanh tra năm…….;

Căn cứ Văn bản số … ngày …/…/… của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm…;

Căn cứ…… (5);

Theo đề nghị của ……(6).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm …. của …. (2), như sau:

…….. (7).

(có Danh sách kèm theo Quyết định này)

Điều 2. (8) triển khai thực hiện Quyết định này và thông báo cho (9) về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) (10) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - …….; - Lưu: VT, (11).	……(4) *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định.
(4) Chức danh của Người ra quyết định.
(5) Các căn cứ khác để ban hành quyết định.
(6) Cơ quan, đơn vị, cá nhân đề xuất.
(7) Nội dung điều chỉnh Kế hoạch thanh tra.
(8) Cơ quan, đơn vị ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch thanh tra.
(9) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
(10) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có).
(11) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu.

DANH SÁCH CÁC CUỘC THANH TRA NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số ngày.../..../.... của (2))

TT	Đơn vị thực hiện	Đối tượng thanh tra	Nội dung thanh tra, thời kỳ thanh tra	Thời hạn thanh tra (ngày)	Dự kiến thời gian triển khai thanh tra	Ghi chú